

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2022/HS-ST**

Ngày 31/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Kiện**;

2/ Ông **Lê Quốc Dũng**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Tổng Hồng Th, sinh năm 1995 tại K; Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Tổng Văn B, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Tuyết Nh, sinh năm 1970; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1999 (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: ấp C, xã V, huyện U, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Huỳnh Hữu T**, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K.

Người làm chứng: Anh **Trần Trung Ng**, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Ph, xã M, huyện Ch, K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào Chiều ngày 20 tháng 7 năm 2021, Tổng Hồng Th đi

đến nhà của Trần Trung Ng tại ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K để chơi nhưng lúc này Ng không có nhà nên Th ngồi tại nhà của Ng đợi Ng về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì có Nguyễn Trường G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI RAIDER màu đỏ, đen biển số kiểm soát 68L1-190.18 chở Trần Trung Ng về đến nhà Ng. Tại đây, G và Th ngồi chơi được một lúc thì Th hỏi mượn xe của G để đi mua đồ ăn thì G đồng ý cho Th mượn xe.

Sau khi mượn được xe, Th điều khiển xe trên quốc lộ 80 theo hướng về chợ Rạch Sỏi. Trên đường đi Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để đem cầm lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên Th chạy xe đến nhà của Huỳnh Hữu T tại khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K gặp T, Th kêu T cầm chiếc xe biển số kiểm soát 68L1-190.18 ngày hôm sau Th sẽ chuộc lại, T hỏi giấy tờ xe đâu, Th nói để ở nhà không đem theo. Do nghĩ Th chỉ cầm xe một ngày và không biết chiếc xe trên là do Th phạm tội mà có nên T đã đồng ý cầm cố chiếc xe trên. Lúc này, trong người T còn số tiền 1.400.000 đồng nên T hỏi Th có đồng ý cầm cố xe với giá 1.400.000 đồng không, thì Th đồng ý. Số tiền cầm xe được Th tiêu xài cá nhân hết.

Anh G sau khi cho Th mượn xe nhưng không thấy Th quay lại. Anh G đã nhiều lần điện thoại cho Th nhưng Th không bắt máy nên đến ngày 27/9/2021 anh G đến Cơ quan công an huyện Châu Thành trình báo sự việc.

Sau đó, Cơ quan công an mời Th về làm việc. Tại Cơ quan Công an Th đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Huỳnh Hữu T sau khi biết được chiếc xe trên là do Th phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên cho Cơ quan công an.

- Tại bản kết luận định giá T sản số: 37, ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá T sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G kết luận:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER màu đỏ, đen biển số kiểm soát 68L1-190.18, số khung 11ANJV110064, số máy CGA1509603 có giá là 38.010.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng: Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Th có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Việc thu giữ, tạm giữ T liệu, đồ vật: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Trường G 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER màu đỏ, đen biển số kiểm soát 68L1-190.18, số khung 11ANJV110064, số máy CGA1509603.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi vụ án xảy ra người bị hại anh Nguyễn Trường G đã nhận lại T sản nên không có yêu cầu gì thêm nên xem xét.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu T không yêu cầu Th phải trả lại số tiền cầm xe là 1.400.000 đồng nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-CT ngày 09/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh K đã truy tố bị cáo Tổng Hồng Th về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ Ng quyết định truy tố bị cáo **Tổng Hồng Th** phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Tổng Hồng Th** từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử: Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20 tháng 7 năm 2021, Tổng Hồng Th đi đến nhà của Trần Trung Ng tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Ch, tỉnh K chơi. Tại đây, Th gặp và nói chuyện với Nguyễn Trường G, trong lúc nói chuyện Th đã mượn chiếc xe mô tô biển số 68L8-190.18 để đi mua đồ ăn, thì G đồng ý. Trên đường đi Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, để thực hiện ý định trên Th điều khiển xe đi đến nhà của Huỳnh Hữu T và cầm cố chiếc xe trên cho T. Huỳnh Hữu

T do không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có nên đã đồng ý cầm cố chiếc xe trên với giá 1.400.000 đồng. Số tiền cầm xe Th tiêu xài cá nhân hết. Giá trị T sản mà Th chiếm đoạt theo kết quả định giá là 38.010.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự thì “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê T sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt T sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm đến T sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành nên có đủ năng lực nhận thức được lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái và có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù biết được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên sau khi được anh G tin tưởng giao xe cho bị cáo mượn và liền nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem xe đi cầm để lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo ít nhiều gì cũng đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất của người bị hại, gây mất lòng tin cho bị hại trong cuộc sống và tạo dư luận xấu trong xã hội. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; Tài sản đã được trả lại cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng đồng thời đối chiếu với Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Trong quá trình điều tra người bị hại anh Nguyễn Trường G đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt nên anh G không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác nên HĐXX không xem xét.

7.2 Đối với người có quyền lợi liên quan anh Huỳnh Hữu T không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 1.400.000 đồng mà anh đã bỏ ra cầm xe từ bị cáo, ngoài ra không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

7.3. Đối với số tiền 1.400.000đ mà bị cáo có được khi đem xe của anh G đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân đây là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tổng Hồng Th phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Tổng Hồng Th 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **03** (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tổng Hồng Th cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Tổng Hồng Th phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại, NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Lê Thị Thúy Hằng

